

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HS-ST
Ngày 02-02-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Phúc;

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Sơn Ken.

Bà Nguyễn Thị Anh Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiết Thị Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Ông Kim Sum, kiểm sát viên.

- Người hỗ trợ tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân huyện Trà Cú: Ông Quách Trương L, Nhân viên, Công tác tại Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Người hỗ trợ tại điểm cầu thành phần Công an huyện T: Ông Trần Văn T, Thẩm phán sơ cấp, Công tác tại Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần tại Công an huyện T, tỉnh Trà Vinh xét xử công khai theo hình thức trực tiếp, kết hợp trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 75/2023/TLST-HS, ngày 22 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

Nguyễn Thanh P, sinh ngày 15/02/1995, tại huyện T, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1957 và bà Trần Thị Ý, sinh năm 1963; Vợ, con: không có; tiền án: 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản và làm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo Bản án số 24/2017/HS-ST, ngày 01/6/2017 của TAND huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 19/2021/HS-ST, ngày 26/4/2021 và bản án số 31/2022/HS-ST, ngày 17/6/2022 của TAND

huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, chưa được xóa án tích; tiền sự: 01 tiền sự, ngày 31/5/2022 bị Công an huyện T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 93/QĐ-XPVPHC với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, bị cáo chưa chấp hành, chưa được xóa về tiền sự; nhân thân: ngày 28/5/2013 bị TAND huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 24/2017/HS-ST và ngày 25/7/2014 bị TAND Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù theo Bản án số 84/2014/HS-ST; bị khởi tố và áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 07/10/2023 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Huỳnh Văn Minh T1, sinh ngày 11/7/2002, tại huyện T, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1969 (đã chết) và bà Huỳnh Thị T2, sinh năm 1970; Vợ, con: không có; tiền án: không; tiền sự: 01 tiền sự, ngày 14/01/2022 bị UBND xã L ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 46 với số tiền 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo chưa chấp hành, chưa được xóa về tiền sự; nhân thân: ngày 27/9/2023 bị TAND huyện Duyên Hải xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 35/2023/HS-ST; bị cáo bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/10/2023 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ú1. Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Trịnh Vĩnh D. Chức danh: giám đốc. Địa chỉ thường trú và liên lạc: 1 N, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Dương Văn Ú, sinh ngày 14/6/1968. Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: số D L, phường I, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Dương Văn Ú là: ông Lê Văn D1, sinh ngày 01/01/1986. Địa chỉ: ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng: bà Huỳnh Thị Mỹ H, sinh năm 1992. Nơi cư trú: ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt – không lý do.

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn M T1 là: Bà Thạch Thị Quát T3 là trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Cáo trạng số: 04/CT-VKS-HS ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh P và Huỳnh Văn M T1 về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi các bị cáo bị truy tố như sau:

Vào ngày 29/7/2023, bị cáo Nguyễn Thanh P chấp hành xong án phạt tù về tội trộm cắp tài sản trở về địa phương sinh sống, chưa được xóa án tích thì P cùng với bị cáo Huỳnh Văn M T1 tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Vào khoảng 09 giờ, ngày 04/8/2023, bị cáo P đến nhà của bị cáo T1 để rủ bị cáo T1 đi chặt dừa nước ăn thì bị cáo T1 đồng ý. Bị cáo P mượn xe mô tô màu trắng đen, không rõ nhãn hiệu, không biển số của bà Kim Thị Sa B, sinh ngày 01/01/1986, nơi cư trú ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh điều khiển chở bị cáo T1 ngồi sau đi từ nhà của bị cáo P về hướng xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh để tìm dừa nước. Khi đến khu vực công ty trách nhiệm hữu hạn Ú1, địa chỉ ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh do ông Dương Văn Ú, sinh ngày 14/6/1968, nơi thường trú số D, đường L, phường I, quận F, thành phố Hồ Chí Minh là chủ sở hữu thì bị cáo P quan sát thấy công ty không có ai trông coi nên nảy sinh ý định vào bên trong công ty để trộm cắp tài sản.

Khi vào được bên trong, bị cáo P nhìn thấy có nhiều máy móc, vật tư được kết nối với dây dẫn điện nhưng không có hoạt động và không ai trông coi. Lúc này, bị cáo P đi ra phía sau công ty rủ bị cáo T1 về nhà của bị cáo T1 để lấy kiềm đến cắt lấy dây dẫn điện bán lấy tiền tiêu xài cá nhân thì bị cáo T1 đồng ý. Sau đó, bị cáo P điều khiển xe mô tô trên chở bị cáo T1 về nhà để lấy kiềm, khi lấy được kiềm thì cả 02 bị cáo quay lại phía sau công ty, bị cáo P đi vào bên trong để cắt dây dẫn điện còn bị cáo T1 ở bên ngoài cảnh giới, đồng thời kéo dây dẫn điện ra ngoài khu vực bụi cây phía sau công ty để cất giấu, bị cáo P dùng kiềm cắt được 01 đoạn dây điện dài 13,2 mét, đường kính 50mm, có vỏ bọc bên ngoài bằng nhựa, màu đen, bên trong có 05 lõi được bọc nhựa với 05 màu khác nhau, mỗi lõi bọc nhựa bên trong có 19 lõi bằng kim loại đồng, cắt xong bị cáo P kéo đến vách tôn phía sau để bị cáo T1 kéo ra bụi cây cất giấu.

Ngoài ra, bị cáo P còn thấy trên máy có kết nối nhiều dây dẫn điện khác nhau nhưng do kiềm nhỏ cắt không được nên bị cáo P kêu bị cáo T1 điều khiển xe đi mua 01 lưỡi cưa sắt đem đến để bị cáo P tiếp tục cắt. Khi bị cáo T1 mua được lưỡi cưa sắt đem đến thì bị cáo P tiếp tục quay vào bên trong công ty để cắt dây dẫn điện, bị cáo P dùng cưa cắt được thêm 02 đoạn dây dẫn điện, mỗi đoạn dài 12,7 mét, có đường kính 30mm, có vỏ bọc bằng nhựa màu đen, bên trong mỗi đoạn có 37 lõi kim loại đồng, cắt xong thì bị cáo P cùng với bị cáo T1 kéo dây điện ra bụi cây phía sau công ty để cất giấu. Sau đó, bị cáo P điều khiển xe mô tô chở bị cáo T1 đi tìm phương tiện để vận chuyển số dây dẫn điện trộm được đem về.

Trên đường đi thì 02 bị cáo gặp chị ruột của bị cáo T1 tên là Huỳnh Thị Mỹ H, sinh năm 1992, nơi thường trú ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nơi ở hiện tại ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh làm nghề mua bán phế liệu đang điều khiển xe mô tô có kéo theo thùng tự chế phía sau dùng để chở phế liệu, bị cáo P và T1 nhờ bà H đến công ty để chở số dây dẫn điện đem về. Khi đến công ty thì bà H dùng xe bên ngoài, còn 02 bị cáo thì lấy cái bao đựng phế liệu đi đến nơi cất giấu dây dẫn điện để lấy cho vào trong bao và đem ra để lên thùng xe cho bà H chở về, bà H không biết bên trong bao đựng dây dẫn điện do bị cáo P và bị cáo T1 không

có nói. Do dây dẫn điện lấy trộm nhiều và nặng chở không hết nên 02 bị cáo chỉ lấy đoạn dây dẫn điện loại có đường kính 50mm, còn để lại 02 đoạn dây dẫn điện loại có đường kính 30mm ở khu vực bụi cây phía sau công ty.

Khi về đến nhà của bị cáo P thì bị cáo P có nhờ bà H đem đốt phần nhựa của dây dẫn điện để lấy phần dây đồng bán giúp cho bị cáo P. Lúc này, bà H mới biết là bên trong bao đựng dây dẫn điện nhưng 02 bị cáo nói với bà H là mua của người khác trong kho nên bà H không nghi ngờ và đồng ý đem đốt, sau đó bà H bán phần lõi đồng cho một người không rõ họ tên địa chỉ đang đi mua bán phế liệu được số tiền là 3.500.000 đồng, bà H đưa hết cho bị cáo P số tiền trên. Sau khi lấy tiền, bị cáo P cho bà H số tiền 500.000 đồng, bị cáo P chia cho bị cáo T1 số tiền 1.500.000 đồng, còn lại bị cáo P giữ số tiền 1.500.000 đồng. Đến khoảng 09 giờ ngày 05/8/2023, bị cáo P cùng với bị cáo T1 tiếp tục đến phía sau công ty để lấy 02 đoạn dây dẫn điện cất giấu nhưng không tìm thấy do bảo vệ của công ty đã lấy đem vào bên trong công ty cất giữ, bị cáo P và bị cáo T1 bị người dân phát hiện nghi vấn nên điện thoại trình báo Cơ quan Công an. Tại Cơ quan Công an, bị cáo P và bị cáo T1 đã thừa nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Căn cứ vào bản kết luận định giá tài sản số: 19/KL-HĐĐG ngày 03/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận: Tại thời điểm xảy ra vụ Trộm cắp tài sản (ngày 04/08/2023):

- Cáp điều khiển có màng chống nhiễu (dây dẫn điện) 0,6/1KV TCVN 5935-1 (37 lõi, ruột đồng, cách điện P1, vỏ P1), các thông số kỹ thuật PVV/SC-37x2,5-0,6/1KW, số lượng 25,4 mét, thời điểm ngày 04/8/2023 (giá 381.000đồng/mét) có giá là: 9.677.400 đồng (Chín triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm đồng).
- Cáp điều khiển có màng chống nhiễu (dây dẫn điện) 0,6/1KV TCVN 5935-1 (5x19 lõi, ruột đồng, cách điện P1, vỏ P1), các thông số kỹ thuật PVV/SC-95x2-0,6/1KW, số lượng 13,2 mét, thời điểm ngày 04/8/2023 (giá 891.000đồng/ mét) có giá là: 11.761.200 đồng (Mười một triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn hai trăm đồng).

Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 21.438.600 đồng (Hai mươi một triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm đồng).

* Về việc tạm giữ và xử lý vật chứng có liên quan trong vụ án:

- Ngày 25/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu từ bà Huỳnh Thị Mỹ H gồm: Vỏ dây dẫn điện bằng nhựa, màu đen, bị cháy không xác định được kích thước và hình dạng, khối lượng 02kg. Đến ngày 30/11/2023 thì ra Lệnh nhập kho vật chứng thuộc Nhà tạm giữ Công an huyện T để quản lý.

- Đối với xe mô tô mà bị cáo P và T1 dùng để đi trộm cắp theo trình bày của bị cáo P là của bà Kim Thị Sa B, nhưng qua xác minh bà Sa B không còn ở địa phương, không làm việc được nên không thu giữ được xe mô tô trên.

- Đối với xe mô tô kéo theo thùng tự chế của bà H dùng để chở tài sản các bị cáo trộm cắp được, qua điều tra xe đã bị hư hỏng, bà H đã bán phế liệu nên không thu giữ được. Riêng 01 cái kiềm, 01 cây cưa sắt dùng để cắt dây điện, 01 bật lửa dùng để đốt nóng vỏ dây điện, theo lời trình bày của bị cáo T1 cất giữ tại nhà bị

cáo T1, qua tìm kiếm Cơ quan điều tra không thu giữ được, do bị thất lạc.

* Về trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự:

Bị hại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ú1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn Ú do ông Lê Văn D1, sinh ngày 01/01/1986 làm đại diện hợp pháp theo ủy quyền không yêu cầu 02 bị cáo P và T1 phải bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại đúng như cáo trạng truy tố không có ý kiến bổ sung.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên đến vụ án và người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai thống nhất tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 21.438.600 đồng, do nhận thấy các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại, về trách nhiệm hình sự thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị với Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”:

Đối với bị cáo Nguyễn Thanh P đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 18 (mười tám) tháng tù đến 02 (hai) năm tù.

Đối với bị cáo Huỳnh Văn Minh T1 đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, q khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Vở dây dẫn điện bằng nhựa, màu đen, bị cháy không xác định được kích thước và hình dạng, khối lượng 02kg, không còn giá trị sử dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Về án phí đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn M T1 trình bày: thống nhất nội dung cáo trạng và quan điểm luận tội của Vị đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và các tình tiết giảm nhẹ quy định điểm s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người bào chữa của bị cáo cho rằng, tội phạm mà bị cáo thực hiện gây thiệt hại về tài sản cho phía Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ú1, nhưng phía công ty không yêu cầu bị cáo bồi thường, bị cáo tuổi đời còn trẻ, thành

khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là người có khó khăn trong nhận thức và điều khiển hành vi nên am hiểu pháp luật còn hạn chế. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận bổ sung.

Bị cáo P nói lời sau cùng: bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về đoàn tụ gia đình.

Bị cáo T1 không trình bày lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản và phù hợp với các biên bản hoạt động điều tra. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ chứng cứ để xác định các bị cáo Nguyễn Thanh P và Huỳnh Văn Minh T1 đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của bị hại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ú1 là sự việc có thật, cụ thể như sau: Vào khoảng 09 giờ, ngày 04/8/2023, bị cáo P đến nhà của bị cáo T1 để rủ bị cáo T1 đi chặt Dừa nước ăn. Khi đến khu vực công ty trách nhiệm hữu hạn Ú1 thì bị cáo P quan sát thấy công ty không có ai trông coi nên nảy sinh ý định vào bên trong công ty để trộm cắp tài sản. Khi vào được bên trong, bị cáo P nhìn thấy có nhiều máy móc, vật tư được kết nối với dây dẫn điện nhưng không có hoạt động và không ai trông coi. Lúc này, bị cáo P đi ra phía sau công ty rủ bị cáo T1 về nhà của bị cáo T1 để lấy kiềm đến cắt lấy dây dẫn điện bán lấy tiền tiêu xài cá nhân thì bị cáo T1 đồng ý. Sau đó, bị cáo P điều khiển xe mô tô trên chỗ bị cáo T1 về nhà để lấy kiềm, khi lấy được kiềm thì cả 02 bị cáo quay lại phía sau công ty, bị cáo P đi vào bên trong để cắt dây dẫn điện còn bị cáo T1 ở bên ngoài canh giới, đồng thời kéo dây dẫn điện ra ngoài khu vực bụi cây phía sau công ty để cắt giấu, bị cáo P dùng kiềm cắt được 01 đoạn dây điện dài 13,2 mét, đường kính 50mm, có vỏ bọc bên ngoài bằng nhựa, màu đen, bên trong có 05 lõi được bọc nhựa với 05 màu khác nhau, mỗi lõi bọc nhựa bên trong có 19 lõi bằng kim loại đồng, cắt xong bị cáo P kéo đến vách tôn phía sau để bị cáo T1 kéo ra bụi cây cắt giấu, đồng thời bị cáo P còn dùng cưa cắt được thêm 02 đoạn dây dẫn điện, mỗi đoạn dài 12,7 mét, có đường kính 30mm, có vỏ bọc bằng nhựa màu đen, bên trong mỗi đoạn có 37 lõi kim loại đồng, cắt xong thì bị cáo P cùng với bị cáo T1 kéo dây điện ra bụi cây phía sau công ty để cắt giấu. Tổng trị giá tài sản theo kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự là 21.438.600 đồng. Việc các bị cáo có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của bị hại nêu trên là đã phạm vào tội trộm cắp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Hành vi phạm tội các bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng, nhưng đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội ở địa phương. Khi đến công ty Ú1, thấy công ty không có người trong coi, thì bị cáo P giữ vai trò cắt dây điện còn bị cáo T1 cảnh giới, các bị cáo đều có vai trò tích cực trong việc trộm cắp tài sản nhưng mang tính chất giản đơn, do đó vai trò đồng phạm của các bị cáo là như nhau, động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo là muốn lấy tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài để thỏa mãn cho mục đích vụ lợi cá nhân.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với cáo Nguyễn Thanh P theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện bị cáo có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích nhưng đến ngày 04/8/2023 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại ấp C, xã H, huyện T nên thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; 01 tiền sự bị công an huyện T, tỉnh Trà Vinh xử phạt số tiền 1.500.000 đồng, ngoài ra về nhân thân ngày 28/5/2013 bị cáo P còn bị TAND huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 24/2017/HS-ST và ngày 25/7/2014 bị TAND Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù theo Bản án số 84/2014/HS-ST. Trong thời gian chấp hành án bị cáo đã được cán bộ quản giáo cảm hóa, giáo dục nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân, khi vừa chấp hành xong án phạt tù vào ngày 29/7/2023 thì đến ngày 04/8/2023 thì bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

- Đối với bị cáo Huỳnh Văn Minh T1 có 01 tiền sự bị Ủy ban nhân dân xã L, huyện T xử phạt số tiền 2.500.000 đồng, đồng thời bị cáo cũng đang chấp hành 01 bản án của TAND huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 35/2023/HS-ST ngày 27/9/2023.

Điều này thể hiện sự coi thường pháp luật, muốn có tiền tiêu xài nhưng lại lười biếng lao động của các bị cáo. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức án tù nghiêm khắc mới đủ tác dụng, giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội đồng thời răn đe phòng ngừa tội phạm chung, do đó mức án mà V đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp. Tuy nhiên, các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: tội phạm mà các bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng, quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về tài sản phù hợp với quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, riêng bị cáo T1 là người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ phù hợp quy định tại điểm q khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, do đó quan điểm của người bào chữa cho bị cáo T1 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về dân sự: Do bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng: Vở dây dẫn điện bằng nhựa, màu đen, bị cháy không xác định được kích thước và hình dạng, khối lượng 02kg, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí thì bị cáo P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo T1 được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố và thấy rằng các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Vì vậy, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thanh P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh P 02 (hai) năm tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 07/10/2023).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s, q khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: bị cáo Huỳnh Văn Minh T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Minh T1 09 (chín) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại, người liên quan đến vụ án không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy vở dây dẫn điện bằng nhựa, màu đen, bị cháy không xác định được kích thước và hình dạng, khối lượng 02kg, do không còn giá trị sử dụng.

Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh P phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ

thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Huỳnh Văn Minh T1.

Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Trà Cú;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Cơ quan CSĐTCA huyện Trà Cú;
- Cơ quan THAHSCA huyện Trà Cú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Phúc